TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 37/2023/HS-PT Ngày 29/03/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy và ông Trần Hữu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Lưu Thị D và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Các bị cáo có kháng cáo*:**

1. **Lưu Thị D**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn ĐL, xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lưu Văn A và bà Nguyễn Thị S; có chồng và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022 đến ngày 21/9/2022. *Hiện tại ngoại, có mặt.*

2. Nguyễn Thị D1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xã VP, huyện NG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Văn Ng (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022 đến ngày 21/9/2022. *Hiện tại ngoại, có mặt.*

3. Lưu Thành Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lưu Thanh Ng và bà Nguyễn Thị B; có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022 đến ngày 21/9/2022. *Hiện tại ngoại, có mặt.*

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn ĐL, xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương. *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Những người làm chứng: Anh Nguyễn Mạnh Hg; Anh Phạm Văn Ng; Ông Phạm Sỹ T; Bà Nguyễn Thị Tn; Anh Phạm Sỹ Dg; Chị Đoàn Thu Tg; Bà Triệu Thị H, chị Nguyễn Thị Hg. *Đều vắng mặt.*

Bản án không có kháng cáo của bị hại và không bị kháng nghị.

NỘI D1 VỤ ÁN

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau*:** Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 19/01/2022 anh Nguyễn Mạnh Hg, sinh năm 1982 ở Thôn ĐL, xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương gọi điện thoại rủ chị Nguyễn Thị Nh ở cùng thôn đi chơi, chị Nh đồng ý. Khi anh Hg đang gọi điện thoại cho chị Nh thì Lưu Thị D nghe được nội D1 nói chuyện giữa anh Hg, chị Nh. Sau đó, anh Hg đi xe mô tô đến đón chị Nh và cùng nhau đi xuống khu vườn hoa của anh Phạm Văn Ng, sinh năm 1982 ở xã HL, huyện NG, tỉnh Hải Dương chơi. Tại đây anh Hg, chị Nh và anh Ng ngồi trên giường trong chòi nhà anh Ng ăn, uống rượu, bia với nhau. Sau khi anh Hg rời khỏi nhà, D có ý định đi bắt quả tang anh Hg, chị Nh nên D gọi điện thoại cho Lưu Thành Tr thuê xe ô tô đưa D đi có việc và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị D1 lên nhà D đi cùng, chứng kiến việc D bắt quả tang anh Hg với chị Nh hẹn hò rồi D1 về phản ánh lại cho nhà chồng chị Nh biết; Tr, D1 đồng ý đi xuống nhà D. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14D- 017.79 chở D, D1 đi về xã HL, huyện NG theo hướng đi từ nhà D ra đến ngã tư đèn xanh, đỏ đường trục Bắc - Nam thuộc xã HĐ, huyện NG thì rẽ trái đi trên đường trục Bắc - Nam đến ngã tư đèn xanh, đỏ đường trục Bắc - Nam thuộc xã HL, huyện NG thì rẽ phải đi vào đường TL396 hướng về UBND xã HL, huyện NG. Khi đi đến cây xăng xã AĐ, huyện NG thì Tr điều khiển xe ô tô vào cây xăng mua 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền dầu diesel. Sau đó D trả tiền xe thông qua thanh toán 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền dầu mà Tr mua. Trước khi lên xe ô tô, trong quá trình D đóng cửa cuốn D nhìn thấy 01 túi nilon ở trên mặt các vỏ chai bia trước hiên bên phải theo hướng nhìn từ ngoài đường vào trong nhà D, thấy túi nilon này có chứa dây cao su mà D hay sử dụng để buộc hàng hóa khi đi chợ. D xác định mang túi nilon này đi để đề phòng trường hợp nếu bắt quả tang được chị Nh thì sẽ trói không cho chị Nh bỏ chạy. Trước khi đi, nhóm của D không thống nhất hay bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho nhau về việc sẽ bắt, giữ, trói tay, chân chị Nh, không phân công cho ai quay video, chụp ảnh. Khi D đi qua khu vườn nhà anh Ng thì phát hiện anh Hg, anh Ng và chị Nh vẫn đang ngồi ăn, uống trong nhà anh Ng nên Tr điều khiển xe đi thẳng về phía UBND xã HL, huyện NG, cách vị trí vườn nhà anh Ng khoảng 01 km rồi dừng lại, mục đích theo dõi xem anh Hg,

chị Nh sau khi ăn, uống xong thì đi đâu, làm gì. Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 20/01/2022, Tr điều khiển xe ô tô chở D, D1 quay lại khu vực vườn nhà anh Ng, khi đi qua lối rẽ xuống vườn thì Tr dừng xe lại, đỗ sát lề đường bên phải theo hướng đi. D, D1 xuống xe đi xuống nhà anh Ng trước, D vẫn cầm theo túi nilon mà D mang theo lúc đi, Tr đi theo sau. Khi D, D1 vào đến nhà anh Ng thì thấy anh Ng đang nằm ngủ *(do bị say rượu)* nên D, D1 đi dọc theo đường đất đi về phía sau nhà anh Ng khoảng 50 - 60 m thì bắt gặp anh Hg, chị Nh đang quan hệ tình dục với nhau nên D đi vào bắt quả tang, D giữ được chị Nh còn Hg ôm quần bỏ chạy thì D1 đuổi theo Hg. Chị Nh van xin thì bị D vật ngã xuống đất, D dùng tay, chân đánh vào mặt, đầu, đùi, mông chị Nh gây bầm tím. Sau khi bỏ chạy thì anh Hg mặc quần lại rồi anh Hg, D1 đi lại chỗ D và Nh thì D1 thấy D, Nh đang vật lộn nhau, Nh nằm ở dưới đất, D ghì đè lên người Nh *(lúc này váy của Nh đã bị vén lên đến ngang ngực)* nên D1 tự bỏ điện thoại của D1 ra quay video để làm bằng chứng. Do trời tối nên hình ảnh video D1 quay được không nhìn thấy mà chỉ có lời thoại của những người liên quan *(nội D1 lời thoại của từng người đã được thống kê trong hồ sơ)*. Lúc này Tr cũng đã có mặt tại khu vực này cùng D1 đứng gần nhau, cách vị trí của D, Nh khoảng 02 - 03 m, anh Hg đứng gần chỗ D, chị Nh và nói "bỏ nó ra" rồi anh Hg giơ tay lên định đánh D thì Tr vào giữ anh Hg, đẩy anh Hg ra phía ngoài. Sau đó D gọi Tr và bảo Tr đưa cho D túi nilon thì Tr thấy tại vị trí Tr đang đứng có túi nilon nên Tr dùng chân hất túi nilon này về phía D. D cầm túi nilon đổ ra và cầm lấy sợi dây cao su màu đen trói chặt vào hai cổ tay chị Nh ra phía sau lưng, trong quá trình buộc dây lại thì dây cao su bị đứt. D bảo D1 giữ chị Nh để D trói chân chị Nh thì D1 đồng ý, D1 không quay video nữa mà dùng hai tay giữ chân chị Nh để D dùng đoạn dây cao su bị đứt ra nêu trên trói chặt hai cổ chân của chị Nh lại, còn Tr đẩy anh Hg lên phía ô tô. Trong quá trình đổ túi nilon để lấy dây trói chị Nh, D thấy còn có 01 túi nilon nhỏ khác, có dính nước nên D cầm túi nilon này lên thì xác định là túi ớt tươi đã bị nẫu, chảy nước *(túi ớt này do D mua ở chợ từ vài hôm trước để về nấu ăn nhưng D để quên ở túi nilon đựng dây cao su trên)*. D bực tức nên đã cầm túi ớt nêu trên sát vào âm hộ của chị Nh. Sau khi trói hai cổ tay, hai cổ chân chị Nh xong thì D bảo D1 cùng khênh chị Nh lên phía nhà anh Ng, thấy vậy D1 đồng ý. D1 dùng hai tay khênh chân chị Nh, D dùng hai tay khênh phía đầu chị Nh rồi đưa chị Nh lên khu vực trước cửa nhà anh Ng thì đặt chị Nh xuống. Khu vực này có ánh đèn điện trước cửa nhà anh Ng nên có thể nhìn rõ sự việc, nhìn thấy rõ chị Nh trong tình trạng bị trói chặt 02 tay, 02 chân, váy đã bị vén đến ngang ngực để lộ thân thể phía dưới không mặc gì. Lúc này có D, D1, Tr đứng gần khu vực trước cửa nhà anh Ng, còn Hg bỏ chạy lên phía xe ô tô. D1 tự lấy điện thoại của mình ra quay video lại, không phát trực tiếp trên mạng xã hội. D dùng tay phải tát 03 - 04 nhát vào mặt chị Nh, dùng chân phải giậm lên đầu gối 2 chân của chị Nh và nói "Mọi người

đây là cô giáo Nh, giáo viên mầm non xã HĐ bị bắt quả tang đi cặp bồ". Chị Nh nói lại là bị nhóm của D lừa, bắt cóc. Sau đó D bảo Tr, D1 khênh chị Nh lên xe ô tô, đưa về báo Công an xã HĐ, huyện NG và đưa về nhà bố mẹ chồng chị Nh để báo cho họ biết việc chị Nh đi cặp bồ với chồng D bị D bắt quả tang. Tr thấy đã muộn nên cũng nói "khênh lên xe", rồi D, D1, Tr cùng nhau khênh chị Nh lên xe ô tô. D1 khênh vào chân chị Nh, D khênh vào đầu chị Nh và Tr khênh vào vai chị Nh để đưa chị Nh lên xe ô tô. Khi đặt chị Nh lên xe ô tô thì chị Nh nằm im, D gọi điện báo Công an xã HD nhưng không gọi được nên D bảo Tr chở mọi người về nhà bố mẹ chồng của chị Nh ở thôn ĐL - HĐ - NG. D điện thoại vào số điện thoại cá nhân của Ban chỉ huy Công an xã HD nhưng không ai nghe máy do thời điểm đó đã muộn. Trước khi ra về, D quay vào trong phòng của anh Ng xem anh Hg có đồ vật gì ở đó để mang về cho anh Hg thì thấy có 01 điện thoại và đôi dép nên D mang lên xe ô tô để ở gần vị trí chị Nh nằm rồi D, D1 ngồi ở hai bên cạnh chị Nh. Tr điều khiển xe ô tô chở D, D1, chị Nh về đến trước cổng nhà bố mẹ chồng chị Nh dừng lại, D xuống xe, mở cốp xe ra, cầm điện thoại soi vào bên trong xe ô tô, đồng thời gọi bố mẹ chồng chị Nh ra chứng kiến. Lúc này chị Nh vẫn bị trói, nằm trên xe ô tô, D không bắt chị Nh xuống xe ô tô; D1 vẫn ngồi trên xe ô tô gần chị Nh. Bố mẹ chồng chị Nh là ông Phạm Sỹ T, bà Nguyễn Thị Tn và vợ chồng em chồng chị Nh là anh Phạm Sỹ Dg, chị Đoàn Thu Tg thấy có người gọi cổng lên mở cửa ra ngoài xem có sự việc gì. Tuy nhiên những người này không mở cổng, không ra xe ô tô để nhìn vào bên trong mà chỉ đứng ở trong sân, đứng cách xe ô tô khoảng 02 - 03 m nhìn ra nên không nhìn thấy chị Nh. Sau đó ông Tâm bảo D đưa chị Nh về nhà bố mẹ đẻ chị Nh báo cho họ biết. Thời điểm này, có bà Triệu Thị H là hàng xóm của chị Nh thấy có tiếng động nên đi ra, đứng bên trong cổng nhìn ra, nhưng do xe ô tô Tr đỗ ngang cổng nhà ông T nên bà H cũng chỉ nhìn thấy xe ô tô chứ không biết bên trong xe có ai, không nhìn thấy chị Nh. Thấy ông T bảo như vậy thì D lên xe ô tô, Tr đóng cốp xe lại rồi lên xe chở những người này đi về nhà bố mẹ đẻ chị Nh ở thôn KH, xã HĐ, huyện NG. Khi đi đến đầu ngõ vào nhà bố mẹ đẻ chị Nh thì đường nhỏ nên xe ô tô không đi vào được, D xuống xe đi vào trong tìm nhưng không tìm thấy nhà nên D đi ra xe ô tô, Tr tiếp tục chở những người trên về đến trước cửa nhà D. Tại đây, D cởi trói cho chị Nh. Chị Nh sau đó nhảy khỏi xe ô tô và chạy sang phía cổng nhà anh Nguyễn Hùng C gọi anh C để nhờ giúp rồi bỏ chạy vào nhà chị Nguyễn Thị Hg ở cùng thôn ngủ nhờ. Chị Nh cảm thấy đau rát âm hộ do bị D sát ớt nên thường xuyên vào nhà vệ sinh để rửa, thấy vậy chị Hường bảo chị Nh đi cấp cứu nên chị Nh đã bắt taxi xuống Tr tâm Y tế huyện NG để thăm khám.

Kết quả trưng cầu giám đinh qua hồ sơ bệnh án xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Nh là 0%. Tại Bản kết luận giám định số 1656/KL-KTHS ngày 06/4/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an

xác định đã khôi phục được 05 file video, 58 file hình ảnh ở điện thoại di động của Lưu Thị D *(Ký hiệu A1)* và 25 file video, 423 file hình ảnh ở điện thoại di động của Nguyễn Thị D1 *(Ký hiệu A2)*. Tất cả các file video, hình ảnh sau khôi phục được lưu trữ trong đĩa DVD gửi kèm theo Kết luận giám định. Trong số các video được khôi phục có 02 video được khôi phục từ điện thoại của Nguyễn Thị D1 ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án. Trong đó có video thể hiện việc chị Nh bị trói chặt 02 tay, 02 chân, váy bị vén lên đến ngang ngực để lộ cơ thể không mặc gì và bị chị D dùng tay tát vào mặt, chị Nh có kêu lên "bị bắt cóc". Tại Bản kết luận giám định số 3918/KL-KTHS ngày 15/7/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội D1 trong các file video gửi giám định. Ngày 16/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Ninh Giang đề nghị Viện khoa học hình sự Bộ Công an giải thích Bản kết luận giám định số 1656/KL-KTHS ngày 06/4/2022 để làm rõ các nội D1: 02 file video có tên trên được phục hồi từ vị trí nào trên bộ nhớ điện thoại của Nguyễn Thị D1 *(địa chỉ đường dẫn lưu file trước khi bị xóa)*? Tên của 02 file video trên có bị thay đổi trong quá trình khôi phục và sau khi khôi phục dữ liệu hay không, 02 file video trên được tạo thành bởi ứng dụng nào, Có được quay, truyền tải trực tiếp qua ứng dụng mạng xã hội nào hay không. Ngày 31/8/2022, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có ý kiến như sau: 02 file video trên được tìm thấy tại vị trí: *"blk0_mmcblk0.binPartition48(EXTfamily10.8GB)\data/com.facebook.orca/cache/fb_temp"* trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A2; Không xác định được tên của 02 file video trên có bị thay đổi trong quá trình khôi phục và sau khi khôi phục dữ liệu hay không; Không xác định được 02 file video trên được tạo bởi ứng dụng nào và có được quay, truyền tải trực tiếp qua ứng dụng mạng xã hội nào hay không.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo bồi thường cho chị Nh số tiền 50.000.000 đồng. Chị Nh đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không đề nghị điều tra, xử lý đối với D, D1 và Tr về hành vi làm nhục người khác.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra không thu giữ được 02 sợi dây mà Lưu Thị D sử dụng để trói chị Nh; thu giữ: 01 *(một)* xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe tải VAN, màu trắng, biển kiểm soát 14D - 012.79 kèm theo 01 chìa khóa của xe ô tô và 01 chứng nhận đăng ký xe ô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHONE 6 mặt lưng màu vàng, ốp lưng màu hồng kèm thẻ sim Viettel số thuê bao 0987.603.250 và 01điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại Galaxy J2 Pro vỏ màu xám kèm 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0354.581.440, được niêm phong trong phong bì thư của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Ngày 05/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ninh Giang trả cho chị Nh 01 điện thoại Iphone 7, số tiền 800.000 đồng và 01đôi dép.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 157; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr. Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật. Xử phạt Lưu Thị D 36 tháng tù được trừ 03 tháng 22 ngày tạm giam còn phải chấp hành 32 tháng 08 ngày tù; Xử phạt Nguyễn Thị D1 33 tháng tù được trừ 03 tháng 22 ngày tạm giam còn phải chấp hành 29 tháng 08 ngày tù; Xử phạt Lưu Thành Tr 33 tháng tù được trừ 03 tháng 22 ngày tạm giam còn phải chấp hành 29 tháng 08 ngày tù;

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo D, D1, Tr đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo D, D1 và Tr giữ nguyên nội D1 kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang về phần hình phạt đối với 03 bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 157; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Thị D 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; Giao bị cáo D1 cho Ủy ban nhân dân xã VP, huyện NG , tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Lưu Thành Tr 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; Giao bị cáo Tr cho Ủy ban nhân dân xã xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Các bị cáo D, D1 và Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo D, D1 và Tr trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội D1: Lời khai của các bị cáo D, D1 và Tr tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 00 phút đến 02 giờ 00 phút, ngày 20/01/2022 tại khu vực vườn cây nhà anh Ng, ở thôn VD, xã HL, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Do bức xúc việc chồng là anh Hg có quan hệ nam nữ với chị Nh nên D gọi điện rủ D1 và thuê Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14D - 017.79 chở D, D1 đi đến khu vực vườn cây nhà anh Ng. Tại đây D dùng dây cao su trói chân, tay, dùng tay tát vào mặt, dùng ớt sát vào âm hộ chị Nh; Tr và D1 giữ chân, tay chị Nh để D trói, giúp D khênh chị Nh lên xe ô tô đưa chị Nh trong tình trạng váy đã bị vén đến ngang ngực để lộ thân thể phía dưới không mặc gì đi quãng đường khoảng 10km, bắt đầu từ chòi nhà anh Ng đến nhà chồng chị Nh ở Thôn ĐL, xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương, tiếp sau đó chở chị Nh sang nhà bố mẹ chị Nh ở xã HĐ, rồi vòng về nhà D mới cởi trói t

hả chị Nh ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 3 Điều 157 của Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo D, D1 và Tr về Tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo D, D1 và Tr về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tội danh các bị cáo D, D1 và Tr không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo D, D1 và Tr đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền; thành khẩn khai khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 50 triệu đồng. Bị cáo D có bố chồng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Bị cáo Tr có bố đẻ là thương binh nặng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại là đã có quan hệ bất chính với chồng bị cáo D dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và quyết định xử phạt bị cáo D 36 tháng tù, các bị cáo D1 và Tr mỗi bị cáo 33 tháng tù là có căn cứ theo quy định. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật

hình sự đối với các bị cáo là chưa chính xác, cấp phúc thẩm cần sửa lại và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho đúng.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại số tiền là 100 triệu đồng để khắc phục hậu quả tội phạm và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo; tự nguyện nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra và xét thấy các bị cáo phạm tội đều là người thực hành, thuộc trường hợp đồng phạm giải đơn; trong quá trình tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội. Xét, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; tại cấp phúc thẩm có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 03 bị cáo nên thấy có căn cứ chấp nhận một phần nội D1 kháng cáo của các bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo D, D1 và Tr, cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách của án treo theo quy định cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo D, D1 và Tr được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Ghi nhận việc các bị cáo D, D1, Tr đã nộp xong toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo D, D1 và Tr.

2. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 157; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr.

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lưu Thị D cho Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 33 (ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị D1 cho Ủy ban nhân dân xã VP, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lưu Thành Tr 33 (ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lưu Thành Tr cho Ủy ban nhân dân xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Lưu Thị D, Nguyễn Thị D1, Lưu Thành Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận việc bị cáo Lưu Thị D đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002031 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị D1 đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002031 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận việc bị cáo Lưu Thành Tr đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002031 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, THAHS - Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan HSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;Bị hại; Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Tuyết